

THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC Ở NƯỚC TA TRONG NHỮNG NĂM TỚI

PTS. ĐÀO DUY HUÂN

1. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC Ở VN NHỮNG NĂM QUA

1. Qui mô giáo dục - đào tạo

Trước năm 1986 giáo dục - đào tạo của ta theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, ngân sách được cung cấp hoàn toàn. Vào thời kỳ này giáo dục - đào tạo chỉ dựa vào các chỉ tiêu, không sát với nhu cầu xã hội thực tế.

Kể từ năm 1986, cùng với sự đổi mới đất nước, giáo dục - đào tạo cũng được đổi mới, bằng những nỗ lực trong điều kiện hết sức khó khăn nhằm thay đổi bộ mặt theo chiều hướng đi lên (cấu trúc lại hệ thống giáo dục quốc dân, thống nhất giáo dục trong cả nước, đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo theo xu thế thời đại...).

Sau đây là bảng thống kê số lượng học sinh sinh viên ở VN thuộc các cấp học từ 1986 - 1995.

Bảng 1: Số lượng học sinh - sinh viên

(nghìn người)

Cấp học	86 - 87	90 - 91	91 - 92	92 - 93	93 - 94	94 - 95
1. HSPT	12.842,9	11.882,9	12.371,4	12.806,7	13.568,7	14.587,4
- Trung học	910,6	524,2	568,2	564,2	703,3	862,3
2. THCS	156,0	135,4	106,5	107,8	119,8	108,2
3. Dạy nghề	139,7	95,4	63,8	63,2	64,9	69,8
4. ĐH & CD	126,6	129,6	107,0	136,8	157,1	200,3

Nhìn vào bảng chúng ta thấy ngay số lượng học sinh trung học giảm đột ngột từ 910,6 nghìn vào năm 1986 xuống còn 524,2 nghìn vào năm 1990. Điều này thật dễ hiểu vì vào những năm đó nền kinh tế hết sức khó khăn, học sinh nghèo không thể có điều kiện đến trường. Lý do thứ hai có tác động rất lớn đến việc số lượng học sinh trung học giảm là do động cơ học tập bị bào mòn. Họ hoàn toàn không muốn học tiếp khi thấy lớp người đi trước học xong thì bị thất nghiệp.

Số lượng học sinh ở cấp trung học chuyên nghiệp (THCN) và dạy nghề giảm liên tục, đồng thời số lượng sinh viên đại học lại tăng mạnh. Đó là vì hình thức đào tạo ở bậc đại học đã rất phong phú, nhiều trường đại học tư, đại học mở, dân lập được thành lập.

Việc số lượng học sinh các trường THCN & dạy nghề giảm một cách nghiêm trọng là một mối lo của xã hội. Chúng ta đang cần một đội ngũ công nhân lành nghề, một lực lượng chuyên gia kỹ thuật hùng hậu để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, trong khi đó số lượng học sinh ở trường THCN & dạy nghề lại giảm. Về mặt qui mô giáo dục thì mức chênh lệch giữa nông thôn và thành thị về trình độ khá sâu sắc, cũng là một điều cần quan tâm.

Tỷ lệ % tốt nghiệp phổ thông ở thành phố và nông thôn là 47/29. Đây là một tỷ lệ chênh lệch khá cao, chúng ta cần phải có những biện pháp thật sự hữu hiệu để rút ngắn tỷ lệ trên. Xét về qui mô, ở nước ta tỷ lệ người đi học so với dân số trong độ tuổi còn khá thấp. Dù rằng qui mô giáo dục - đào tạo của VN (xét về mặt biết chữ và tiểu học) ở vào mức trung bình, tức ngang bằng với Thái Lan và Philippines, nhưng ở bậc trung học thì VN ở mức thấp so với Philippines, Indonesia, Malaysia... Đặc biệt ở bậc đại học thì VN lại ở vị trí cuối cùng cách xa các nước khác.

2. Hệ thống giáo dục

Bảng 2: Số trường học qua các năm

Năm học Loại trường	90-91	91-92	92-93	93-94	94-95
- Phổ thông		17.189	17.980	19.164	20.086
- THCN	268	271	272	265	266
- Dạy nghề	275	185	198	182	203
- CD & ĐH	106	108	109	109	109



VN quản lý giáo dục theo từng cấp học khác nhau và cụ thể là:

- Chính phủ quản lý các trường đại học, cao đẳng (ĐH, CD) và THCN.

- Tỉnh, thành phố quản lý giáo dục trung học.

- Quận, huyện quản lý giáo dục tiểu học

Đối với các trường ĐH, CD thì Bộ giáo dục - đào tạo chỉ quản lý 40 trong số 109 trường đại học ở nước ta, các trường còn lại trực thuộc sự quản lý của các ngành chủ quản.

Nhìn vào bảng 2 ta thấy rằng số trường phổ thông tăng đều theo các năm nhưng vẫn không đủ lớp cho học sinh. Ở các tỉnh, huyện ngoại thành, tình trạng học sinh phải học ca 3 vẫn cứ tiếp diễn. Để đáp ứng cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hơn nữa nào hết chúng ta cần một lực lượng công nhân lành nghề, một đội ngũ công



nhân kỹ thuật giỏi nhưng thực tế một điều rất chua xót là chỉ có chưa đầy 20% số người đến học ở cấp dạy nghề.

Hiện nay cấp dạy nghề còn nằm trong tình trạng manh mún, thiếu tập trung. Ngành dạy nghề chưa có một chương trình thống nhất về đào tạo bậc thợ từ trung ương đến địa phương. Và một điều cần phải suy nghĩ nữa là trong khi bộ có nhiều chương trình dành cho giáo dục phổ thông thì lại chưa có chương trình nào dành cho dạy nghề. Vậy thì sự nghiệp công nghiệp hóa liệu có thành công không?

Theo SGGP 9.6.1997 đến nay cả nước có trên: 9.000 TS và PTS.

900.000 người tốt nghiệp ĐH, CĐ.

1.400.000 người có trình độ trung cấp kỹ thuật.

2.500.000 công nhân kỹ thuật.

Đội ngũ TS, PTS được phân bố như sau:

- Tự nhiên 38%
- Xã hội và nhân văn 20%
- Công nghệ 27%
- Y dược 8%
- Nông nghiệp 7%

3. Ngân sách cho giáo dục và đào tạo

Hàng năm, ngân sách nhà nước VN chi cho giáo dục đào tạo bình quân khoảng 7,7 USD/người dân (bảng khoảng 1/2,7 của Philippines; 1/7,7 của Thái Lan; 1/22 của Malaysia; 1/29 của Hàn Quốc...)

Vào thời điểm VN mở cửa cải cách nền kinh tế năm 1986 thì tỷ trọng ngân sách chi cho giáo dục - đào tạo là 5,83% (mức chi 120 tỷ đồng). Mười năm sau, tỷ trọng này đã tăng lên 10,08% (mức chi 5.000 tỷ đồng). Tuy vậy mức tăng hằng năm vẫn không bù đắp được vào các yếu tố phát sinh như tăng số học sinh và giáo viên, tỷ lệ lạm phát... ngân sách đó chỉ đủ trả một mức lương rất thấp cho giáo viên và học bổng cho sinh viên. Vì thế ngân sách cho giáo dục - đào tạo không đủ đáp ứng nhu cầu chi tiêu tối thiểu cho việc đảm bảo qui mô và chất lượng giáo dục.

Điều vô lý là số ngân sách nhà nước chi cho giáo dục lại không hoàn toàn được dùng cho mục đích giáo dục mà số ngân sách đó còn có nhiều đường đi khác nữa! Cụ thể là nhà nước chi 5 triệu/năm/sinh viên mà vẫn không đảm bảo được đầy đủ tiện nghi phục vụ cho việc học tập, trong khi đó ở các trường dân lập thì họ chỉ cần thu học phí từ 1,5 - 2 triệu/năm/sinh viên. Như vậy vấn đề là ở đâu?

Mức chi cho giáo dục - đào tạo là 10,08% ngân sách đã là một nỗ lực của chính phủ VN nhưng đầu sao ta phải thừa nhận rằng tỷ trọng 10,08% ấy hãy còn quá thấp so với các nước trong khu vực. Singapore chi cho giáo dục 23%, Thái Lan chỉ 21%, Trung Quốc chỉ 16%.

Bảng 3: Chi phí đầu tư cho một học sinh

Bậc học	Nước	Thái Lan (1977)	Malaysia (1980)	Việt Nam (1994)
Tiểu học		29,2 USD	240 USD	5,35 USD
Trung học cơ sở				5,8 USD
Phổ thông trung học		80,00 USD	345 USD	7,14 USD

Bảng 4: Chi phí đầu tư cho 1 sinh viên ở các nhóm quốc gia

Nhóm nước	Số tiền/sinh viên
Nhóm các nước phát triển (31 nước)	6.520 USD
Nhóm các nước đang phát triển (75 nước)	651 USD
Nhóm các nước chậm phát triển (89 nước)	422 USD
* Thái Lan (1977)	675 USD
* Việt Nam (1992)	370 USD

Nhìn vào bảng 4 chúng ta thấy ngay mức đầu tư cho một sinh viên VN còn quá thấp, mức đầu tư một sinh viên của VN bây giờ còn thua xa Thái Lan vào năm 1997. Như vậy liệu chúng ta có hóa rồng như khẩu hiệu mà chúng ta thường hô hào khi mức đầu tư cho giáo dục còn quá thấp như thế?

4. Thực trạng chất lượng đào tạo nhân lực

Theo dự án VIE 89/002 về điều tra tổng thể ngành giáo dục và phân tích nguồn nhân lực, kết quả của bức tranh toàn cảnh giáo dục VN như sau:

- Giáo dục phổ thông: suy giảm số lượng và suy thoái về chất lượng.
- Giáo dục chuyên nghiệp: thiếu mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo và việc làm.
- Giáo dục đại học: mạng lưới không hợp lý và thiếu mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu, sản xuất, việc làm.

- Đội ngũ giáo viên: thiếu động cơ làm việc.

Mặt khác, tài chính và cơ sở vật chất thiếu thốn, tổ chức quản lý chưa thích hợp, hệ thống giáo dục chưa phù hợp với xã hội đang chuyển đổi.

Với bức tranh toàn cảnh trên, rõ ràng tất cả những ai quan tâm đến giáo dục và đào tạo VN đều phải chạnh lòng. Nhưng có thể nói gì hơn khi điều đó là sự thật, một bài toán nan giải về nền giáo dục VN trước đơn đặt hàng của thế kỷ 21.

Thật vậy sự yếu kém về chất lượng của giáo dục VN là điều mà chúng ta cần phải nhìn nhận, nhưng điều đó không phải là do học sinh VN không có khả năng học tập mà là do phương tiện và cách thức giáo dục VN chưa ổn,

chúng ta thật sự chưa tận dụng được tiềm năng của mình.

Chúng ta thiếu cơ sở vật chất, đời sống kinh tế khó khăn, động cơ và tư duy học tập bị bào mòn dẫn đến chất lượng đào tạo kém là điều hiển nhiên.

Chúng ta vẫn còn duy trì, không thoát ra được lối học tập kiểu hàn lâm. Thầy giáo là trung tâm, thầy giảng tất cả và quyết định tất cả, học sinh chỉ biết nghe lời và học thuộc một cách thụ động. Lối học tập trên đã biến học sinh thành nơi nhồi nhét hơn là người sáng tạo. Học sinh đã hình thành thói quen trì trệ, thiếu sáng tạo ngay từ ở những cấp phổ thông và vì vậy khi lên đến đại học, phần lớn sinh viên VN không thể tự học được.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém về chất lượng giáo dục VN là do chất lượng đội ngũ giáo viên: thiếu và yếu. Cụ thể trong đội ngũ giáo viên phổ thông thì tỉ lệ giáo viên giỏi và khá chiếm 30%, còn lại khoảng 60 - 70% không đủ tiêu chuẩn.

Sự yếu kém ở đội ngũ giáo viên phổ thông là do những nguyên nhân sau:

- Sự yếu kém đầu vào
- Thu nhập của giáo viên quá thấp
- Địa vị giáo viên trong xã hội không được coi trọng như chính vai trò và vị trí của nghề giáo.

Còn đối với đội ngũ giáo viên đại học thì những người có trình độ từ PTS trở lên chỉ chiếm 13%, trong khi đó tỷ lệ này ở các nước trong khu vực là 30%. Ở VN từ lâu đã duy trì tình trạng đại học dạy đại học, điều này dẫn đến sự yếu kém về chất lượng đào tạo là điều không tránh khỏi.

Điểm nổi bật của tình hình giáo dục ở bậc đại học và trên đại học là sự phân ly giữa nghiên cứu và giảng dạy. Các cán bộ ở viện nghiên cứu và giáo viên đại học có điều kiện làm việc hoàn toàn khác nhau. Giáo viên đại học không có nhiều thời gian, điều kiện kỹ thuật để nghiên cứu nhiều vì phần lớn thời gian phải dành cho việc dạy thêm mới đủ sống. Hơn nữa, giáo viên đại học ít có điều kiện tiếp xúc với nước ngoài hơn và vì vậy họ ít tiếp cận được những nghiên cứu mới. Với tình hình như vậy dĩ nhiên chất lượng đào tạo ở đại học ít nhiều bị ảnh hưởng.

Chúng ta đang phải đối đầu với nguy cơ hụt hẫng đội ngũ tri thức có trình độ kế cận, phần lớn các cán bộ giảng dạy có học hàm, học vị đều đã ở độ tuổi trên 50. Cụ thể là 88% trong số 800 giáo sư tuổi trên 60; 64% phó giáo sư trên 55 tuổi; 60% tiến sĩ trên 50 tuổi và 36% PTS trên 50 tuổi. Tre già mà măng chưa mọc là điều đáng ngại vô cùng!



* Về quá trình giảng dạy

Theo một chuyên viên của Bộ giáo dục - đào tạo, có 60 - 70% giáo trình đại học chỉ là mô tả, không đi vào bản chất vấn đề của từng lĩnh vực khoa học. Nhiều giáo trình đại học đã có số tuổi đến 20 năm mà vẫn chưa thay đổi.

Hệ thống đào tạo của ta còn rất bấp bênh, bất cập, quản lý không đồng bộ. Hệ thống đào tạo VN không tương xứng với cơ cấu ngành nghề và nhu cầu thực tế của nền kinh tế thị trường. Một vấn đề nổi cộm là nhiều sinh viên tốt nghiệp không có việc làm trong khi nhiều công ty không tìm đủ nhân tài thích hợp. Chúng ta còn khoảng 14.000 sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm.

Trong tương lai chúng ta sẽ thiếu đội ngũ khoa học cơ bản do tính thực dụng hiện nay. Chúng ta sẽ thiếu những nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành. Trong số 579 ngành cần đào tạo sau đại học ở VN thì có đến 304 ngành chưa thực hiện được, bao gồm: 29 ngành thuộc khoa học tự nhiên, 158 ngành thuộc khoa học kỹ thuật, 28 ngành thuộc khoa học y dược, 24 ngành trong nông nghiệp và 65 ngành thuộc khoa học xã hội.

II. TRIỂN VỌNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC NƯỚC TA NHỮNG NĂM TỚI

Đại hội 8 ĐCSVN khẳng định: cùng với kế hoạch công nghệ, giáo dục và đào tạo nhân lực là một quốc sách hàng đầu. Để thực hiện điều này thì ngay bây giờ và trong tương lai chúng ta:

- Phải có chiến lược đào tạo nhân lực để đạt trình độ quốc tế
- Chỉ số giáo dục và đào tạo nhân lực phải được xác định trên cơ sở của sự tăng trưởng kinh tế, xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Dự báo số học sinh và sinh viên sẽ vào các cấp học từ năm 1995 đến năm 2000 như sau:

Bảng 5: Mục tiêu phát triển nhân lực từ nay đến năm 2020 (triệu người)

Cấp học	1995	2000	2010	2020
Học sinh tiểu học	10,05	11,72	12,30	14,25
Học sinh trung học cơ sở	3,68	4,91	17,44	10,94
Trung học chuyên nghiệp	0,90	1,59	2,76	4,26
Đại học	0,368	0,544	1,335	2,575

Hệ cao học: hàng năm phải tuyển từ 2.000 đến 3.000 người, 1.000 đến 1.500 nghiên cứu sinh, để đến năm 2000 ta sẽ có 10.000 đến 11.000 người có học vị, 4.500 đến 5.000 có học vị tiến sĩ.

- Nguồn nhân lực tập trung vào đào tạo hướng nghiệp, kỹ năng hướng nghiệp, tỷ lệ này cần tăng liên tục để đến năm 2000 là 20% và đến năm 2020 là 30%.

Lao động dạy nghề hiện nay: 12%

Lao động dạy nghề năm 2000: 25%

Lao động dạy nghề năm 2020: 60%

Tỷ lệ trình độ đại học phải nâng lên 25% trong năm 2000 và tới 50% trong năm 2020.

- Mục tiêu đối mới đội ngũ cán bộ quản lý về đào tạo: đủ mạnh, đủ tài.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay, có ba lớp người, những người thật sự là nòng cốt, góp phần quyết định chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế - xã hội; đó là: những cán bộ, công chức nhà nước thành thạo quản lý nhà nước trong cơ chế thị trường; những doanh nhân thuộc mọi thành phần kinh tế thông thạo kinh doanh; và những nhà khoa học, công nghệ thật sự gắn chặt và thúc đẩy kinh tế phát triển.

+ Chúng ta đang phấn đấu để xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân với ba bộ phận không tách rời nhau: hệ thống thể chế quản lý, bộ máy nhà nước và đội ngũ công chức. Chính đội ngũ cán bộ, công chức với nghĩa rộng từ người hoạch định chính sách,

chủ trương, cụ thể hóa và thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng ở cấp vĩ mô đến những cán bộ, công chức thừa hành ở các cấp dưới, có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng. Họ cần được đào tạo, bồi dưỡng để có đủ trí thức quản lý đất nước trong cơ chế thị trường, biết rõ nhà nước có những chức năng gì, cần thiết phải làm những gì, phải nắm những gì, còn những gì thì tận lực phát huy sức dân, để cho xã hội làm và nhà nước thực thi đúng quyền quản lý nhà nước như: tạo khuôn khổ pháp lý, kiểm tra, giám sát... làm được như vậy thì tránh được tình trạng lâu nay là nhà nước đã buông trôi những cái cần nắm và đã nắm những cái cần buông, vẫn còn những ảnh hưởng khá nặng nề của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

Điều quan trọng hiện nay là hình thành cho được một cơ chế thật sự khuyến khích và trọng dụng người tài, đặt người đúng chỗ, vì việc chứ không vì người, có tác dụng thúc đẩy người cán bộ, công chức chăm lo học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ của bản thân để không ngừng vươn lên bằng trí tuệ của mình. Công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước phải được tiếp tục đẩy mạnh, bảo đảm được yêu cầu là bộ máy nhà nước và cán bộ, công chức vừa tinh thông nghiệp vụ, vừa trong sạch, trong công việc thì phục vụ dân tốt hơn; đó cũng chính là làm cho người dân tin ở sự trong sạch của bộ máy nhà nước, thông qua những cán bộ, công chức ở ngay cấp cơ sở.

+ Chúng ta đã có những doanh nhân trưởng thành từng bước trong cơ chế thị trường, thích ứng dần với cơ chế mới và đứng vững được trong cơ chế mới. Vấn đề rất cần thiết hiện nay là một khuôn khổ pháp lý quán triệt cơ chế mới, ổn định, được thi hành nhất quán từ trên xuống dưới, tạo thuận lợi cho doanh nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh. Cần xóa bỏ cơ chế xin và cho, để mỗi doanh nghiệp làm đầy đủ nghĩa vụ của mình theo đúng đăng ký kinh doanh, đồng thời cũng có quyền đòi hỏi cơ quan chức năng làm đúng những gì pháp luật đã quy định đối với doanh nghiệp, ví dụ như khi kinh doanh một mặt hàng đã được luật pháp cho miễn giảm thuế thì đương nhiên doanh nghiệp được hưởng quyền đó và cơ quan chức năng có trách nhiệm phải thực hiện, không thể có tình trạng doanh nghiệp vẫn phải làm đơn, chầu chực, tốn kém biết bao tiêu cực phí, để xin miễn, giảm thuế theo luật định.

Cơ chế thị trường là một môi trường cạnh tranh quyết liệt, là nơi doanh nhân thi thố tài năng kinh doanh của mình, đồng thời cũng là nơi rèn luyện, trưởng thành của mỗi doanh nhân. Nhà nước tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nhân thuộc các thành phần kinh tế. Các doanh nhân phấn đấu làm ăn ngay thật, kinh doanh theo đúng luật pháp, tạo ra lợi nhuận bằng chính trí tuệ của mình, không phải bằng dựa dẫm, xin xỏ hoặc bằng các biện pháp tiêu cực khác. Đương nhiên, kinh doanh là một nghề, không phải cứ đặt lên ghế là bất cứ ai cũng có thể quản lý được doanh nghiệp, đảm trách được nhiệm vụ giám đốc, tổng giám đốc, vì vậy rất cần có nhiều trường lớp dạy quản lý kinh doanh cho các loại chức danh trong doanh nghiệp, để doanh nhân nước ta thực hiện được tốt nhiệm

vụ của mình, đồng thời từng bước vươn lên tầm cỡ doanh nhân thế giới. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, cũng nên cải thiện hình ảnh của doanh nhân: không phải cứ giám đốc doanh nghiệp nhà nước thì ăn chơi tiêu tiền chùa vô tội vạ, còn giám đốc doanh nghiệp tư nhân thì luôn trốn thuế, lậu thuế.

+ Đất nước chúng ta có tiềm năng khoa học khá (kể cả bốn chục vạn người Việt định cư ở nước ngoài có trình độ từ đại học trở lên) nhưng hiện chưa được sử dụng có hiệu quả. Có thể nói đó là sự lãng phí lớn nhất. Tuy nhiên, cần thấy rõ: cơ chế thị trường mở ra cho khoa học, công nghệ nhiều triển vọng để phát triển; cuộc cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, giữa các sản phẩm sẽ thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hàng hóa, nâng cao tính cạnh tranh của hàng hóa, và khi đó đòi hỏi về ứng dụng khoa học, công nghệ và sản xuất sẽ trở nên bức xúc; bên cạnh những đơn đặt hàng của nhà nước là đơn đặt hàng của hàng triệu đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế. Các nhà khoa học, công nghệ càng có điều kiện thi thố tài năng, những tài năng thực sự sẽ được xã hội tôn trọng, các loại học hàm, học vị "dỏm" sẽ không còn chỗ đứng.

Mong mỗi lớn nhất của các nhà khoa học, công nghệ là được có môi trường thuận lợi để nghiên cứu, sáng tạo, người tài được trọng dụng, không phải đi làm những ngành nghề không phù hợp để mưu sinh. Ngân sách đầu tư cho khoa học, công nghệ cũng rất quan trọng, nhưng thị trường lớn nhất của khoa học, công nghệ là hàng triệu đơn vị kinh doanh như trên đã nói, họ sẽ không tiếc tiền bỏ vào nghiên cứu, triển khai nếu những nghiên cứu đó thật sự có ích cho doanh nghiệp. Điều kiện quan trọng

nhất cho nhà khoa học, công nghệ là được giải phóng về tư tưởng, được tranh luận, thảo luận trong không khí dân chủ, đoàn kết, hợp tác bình đẳng, không bị những ràng buộc gì khác ngoài khoa học.

Sẽ là thiếu sót nếu không nói đến những lớp người khác, cũng rất quan trọng trong sự việc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay, đó là những người hoạt động các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng... Ở đây chỉ muốn nói đến ba lớp người trên mà hoạt động của họ đã và đang có tác động trực tiếp, có ý nghĩa quyết định đến sự

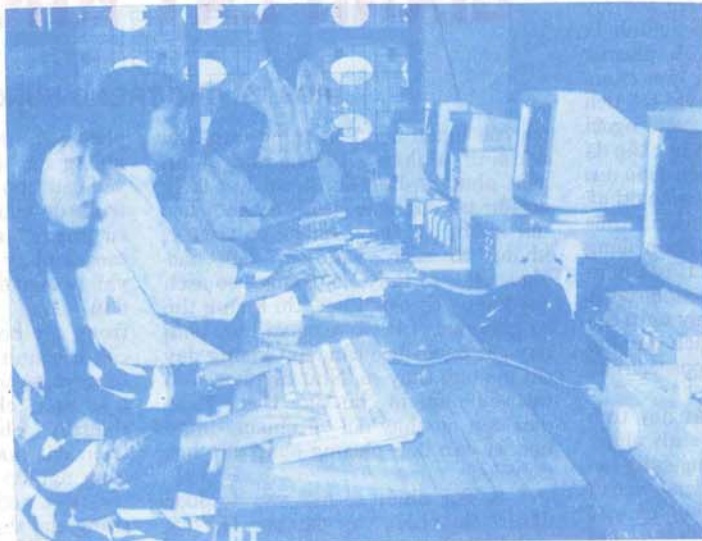
ngành xây dựng chủ nghĩa xã hội đáng được toàn xã hội tôn vinh, hơn nữa tạo điều kiện cho họ phát huy tốt hơn nữa mọi tiềm năng, đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp chung.

Các biện pháp thực hiện:

- Nâng cao tỷ trọng ngân sách cho đào tạo nhân lực, phải nâng từ 20 - 25% là mức trung bình so với các nước, trung bình so với nước ta (hiện nay chỉ 10%). Điều quan trọng ngân sách lấy từ đâu? Giải pháp nào tìm ra tỷ trọng ngân sách, nếu không nâng sẽ không kịp được.

- Mở rộng quy mô, hình thức đào tạo, hình thức đào tạo phải được mở ra hoàn toàn.

- Phải chăm lo đội ngũ giáo viên, cải cách chế độ tiền lương, nâng vị trí trong xã hội, chế độ phụ cấp phải cải cách, thu hút nhân tài tập trung vào đội ngũ giáo viên



Ảnh Nguyễn Trung Thanh